

GRAMMAR

ENOUGH AND TOO



1. Cách sử dụng

Too và **Enough** đều có thể dùng để bổ nghĩa cho danh từ, tính từ và trạng từ. Ta dùng **too** khi miêu tả một cái gì đó đã quá nhiều so với thông thường. Còn **enough** có nghĩa là đủ, không cần thêm nữa.

1.1 Enough

a. Adjective + enough

S + be + Adjective + enough for somebody to do something

GRAMMAR

ENOUGH AND TOO

Đặt **enough** ngay sau một tính từ miêu tả để bổ nghĩa cho nó, **enough** đóng vai trò như một trạng từ.

Ví dụ: He's not patient enough to watch the show.

She's beautiful enough to be a model.

b. Adverb + enough

S + Verb + Adverb + enough for somebody to do something

Enough cũng có thể xuất hiện ngay sau một trạng từ để bổ nghĩa cho nó.

GRAMMAR

ENOUGH AND TOO

Ví dụ: He drives slowly enough to make the child feel comfortable.

She studied carefully enough to pass the exam.

c. Enough + Noun

Đặt **enough** trước một danh từ để biểu thị một yêu cầu đủ về một việc gì đó.

Ví dụ: I don't have enough money to buy a new smartphone.

We have enough oranges to make a cup of orange juice.

GRAMMAR

ENOUGH AND TOO

Tóm lại:

- **Enough** có thể đứng trước từ mà nó bổ nghĩa.

Ví dụ: I think I have enough time to finish my work today.

We don't have enough flour to make a birthday cake.

- **Enough** cũng có thể đứng sau từ mà nó bổ nghĩa.

Ví dụ: I think you are smart enough to do this exercise.

We are not rich enough to buy a house.

GRAMMAR

ENOUGH AND TOO

1.2 Too

Too được sử dụng đi kèm với ***danh từ, tính từ và trạng từ***. Tuy nhiên khi đi kèm với danh từ, **too** phải được theo sau bởi ***much*** hoặc ***many***. Sử dụng ***too much*** hay ***too many*** tùy theo danh từ đó là danh từ đếm được hay không đếm được.

Ví dụ: I have collected too many stamps since I was 6.
Mary is too concerned about her grades.
There is too much information that we have to learn.

GRAMMAR

ENOUGH AND TOO

a. Too + Adjective

Too đứng trước tính từ để miêu tả một cái gì đó quá về tính chất.

S + be + Too + Adjective + For Somebody to do something

-> Điều gì quá ... để ai đó làm việc gì đó.

Ví dụ: This shirt is too small for him to wear.

This milk is too cold for her to drink.

GRAMMAR

ENOUGH AND TOO

a. Too + Adjective

S + be + Too + Adjective + For Something

-> Điều gì/ai đó quá... cho việc gì đó.

Ví dụ: She is too young for that position.

It is too expensive for a bike.

GRAMMAR

ENOUGH AND TOO

b. Too + Adverb

Đặt **too** trước trạng từ để miêu tả một ai đó hay cái gì đó đã vượt quá mức cần thiết.

S + Verb + Too + Adverb + For Somebody to do something

Ví dụ: He runs too fast for me to catch up.

That man is driving too slowly in the highway.

You are speaking too rudely to that person.

GRAMMAR

ENOUGH AND TOO

2. Bài tập: Thêm **too** hoặc **enough** vào mỗi câu để hoàn thiện câu

1. Bill isn't patient with his child.
2. We don't have time to finish all the tasks.
3. I think the test was easy.
4. You are driving slowly. We need to speed up.
5. We are working slow. We'll never finish on time!
6. I wish I were intelligent to pass this test.
7. Is there food for the party?
8. He eats quickly, so he gets stuck.

GRAMMAR

ENOUGH AND TOO

2. Bài tập:

1. Bill isn't patient **enough** with his child.
2. We don't have **enough** time to finish all the tasks.
3. I think the test was **too** easy.
4. You are driving **too** slowly. We need to speed up.
5. We are working **too** slowly. We'll never finish on time!
6. I wish I were intelligent **enough** to pass this test.
7. Is there **enough** food for the party?
8. He eats **too** quickly, so he gets stuck.

GRAMMAR

With a partner, look at the pictures and decide what each person is saying.

Suggested answers

- 1 It's too cold to go swimming. / It isn't warm enough to go swimming.
- 2 It's too windy to use an umbrella.
- 3 It's too difficult to do.
- 4 It's too far to walk. / I'm too tired.
- 5 It's too expensive to buy. / I'm not rich enough to buy it.
- 6 It's too heavy to carry.